

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 219/2020/QĐST-HNGĐ

Mỹ Đức, ngày 21 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 179/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã D, huyện L, tỉnh Hòa Bình

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T cụ thể như sau:**

**1.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh, chị trình bày có một con chung: Nguyễn Hà P, sinh ngày 25/9/2014. Anh, chị thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Phương cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Chị T không yêu cầu anh Thành phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Thành có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh, chị trình bày không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

1.4. *Về án phí*: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị T được hoàn trả lại 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002871 ngày 20/7/2020 tại Cơ quan thi hành án huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự*;
- *VKSND huyện Mỹ Đức*;
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Đức*;
- *UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

**THẨM PHÁN**

**Lê Anh Tuấn**